TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2021/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 10 năm 2021
"*V/v Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Tố Uyên.

-Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bắc.
Bà Doãn Thị Lệ.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Diệp bảo Kiệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham phiên tòa bà Cao Thảo Nga – KSV.

Ngày 19 tháng10 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 444/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021 về "***Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con***", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/9/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 127/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh NHT – sinh năm: 1987.
Địa chỉ: Thôn 7, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Chị ĐTMH – sinh năm: 1990.
Địa chỉ: Thôn 7, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai.
Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 6 năm 2021 bản tự khai và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án thể hiện:

Về hôn nhân: Anh NHT và chị ĐTMH tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 14/12/2015. Sau khi kết hôn cuộc sống của hai vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, yêu thương nhau. Nhưng thời gian sau giữa anh, chị phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và cãi vã nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị H thường xuyên vay tiền của những người cho vay nặng lãi, mặc dù anh T có khuyên can nhưng chị H không nghe dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt hơn, do đó tình cảm vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng nhau mục đích hôn nhân không đạt được, anh, chị đã ly thân vào năm 2018 và chị H đã bỏ nhà đi đâu anh T cũng không biết.

Nay anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn rất trầm trọng không thể hàn gắn được nên yêu cầu tòa án giải quyết được ly hôn với chị ĐTMH

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có một con chung: NĐGK, sinh ngày 19/9/2015 hiện tại cháu K đang ở cùng anh T. Ly hôn, anh T có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị ĐTMH:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự, thủ tục giải quyết vụ án đối với chị ĐTMH.

Tuy nhiên chị ĐTMH không có mặt tại địa phương nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (theo qui định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015). Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn chị ĐTMH tại nơi cư trú, Uỷ ban nhân dân xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai và tại Tòa án nhân dân thành phố P theo qui định pháp luật. Nhưng chị ĐTMH không đến Tòa án làm việc nên không có lời trình bày về nội dụng vụ án.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố P phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm đối với nguyên đơn. Riêng bị đơn chị ĐTMHTòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng chị H không đến Tòa án nhân dân thành phố P tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ hòa giải. Vì vậy việc chấp hành pháp luật của bị đơn không tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố P theo quy định của khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh NHT và chị ĐTMH tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 14/12/2015, nên xác định đây là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp. Anh T cho rằng cuộc sống hôn nhân của anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn. Bị đơn chị ĐTMHTòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đến tham gia phiên họp hòa giải đoàn tụ vợ chồng và tại phiên Tòa hôm nay chị H cũng vắng mặt. Như vậy có thể khẳng định chị H không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng cũng như bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình.

- Về con chung: Anh, chị có một con chung là NĐGK, sinh ngày 19/9/2015 hiện tại cháu K đang ở cùng anh T. Ly hôn, anh T có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con cần chấp nhận.

- Tài sản riêng, chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

Từ sự phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh NHT cho ly hôn giữa anh NHT và chị ĐTMH..

- Giao con chung là cháu NĐGK, sinh ngày 19/9/2015 cho anh T nuôi con. Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí DSST: Tòa án buộc anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Anh T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố P – tỉnh Gia Lai, giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con, đối với bị đơn chị ĐTMH có nơi cư trú tại thôn 7, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai; vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh NHT và chị ĐTMH tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 14/12/2015. Sau khi kết hôn cuộc sống của hai vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, yêu thương nhau. Nhưng thời gian sau giữa anh, chị phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và cãi vã nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị H thường xuyên vay tiền của những người cho vay nặng lãi, mặc dù anh T có khuyên can nhưng chị H nghe dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt hơn, do đó tình cảm vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng nhau mục đích hôn nhân không đạt được, anh, chị đã ly thân vào năm 2018 và chị H đã bỏ nhà đi đâu anh T cũng không biết.

Nay anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn rất trầm trọng không thể hàn gắn được nên yêu cầu tòa án giải quyết được ly hôn với chị ĐTMH

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T yêu cầu ly hôn với chị H, Tòa án đã triệu tập nhiều lần chị H đến Tòa án, nhưng chị H không đến để trình bày ý kiến và nguyên nhân mâu thuẫn để hòa giải đoàn tụ. Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ mà chị H có hộ khẩu thường trú, thường xuyên sinh sống để tống đạt các văn bản tố tụng cho chị H biết để đến tòa án và thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng chị H vẫn không chấp hành, như vậy chứng tỏ rằng chị H không mong muốn hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình, bỏ mặc cho cuộc sống hôn nhân của mình. Cho nên đến tại thời điểm này anh T xác định không còn tình cảm với nhau nữa, không còn muốn yêu thương chăm sóc lẫn nhau, do đó mà mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy anh NHT đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với chị H, xét yêu cầu này của anh T là chính đáng, phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có một con chung là NĐGK, sinh ngày 19/9/2015 hiện tại cháu K đang ở cùng anh T, anh T cũng có nguyện vọng được nuôi con chung. Như vậy yêu cầu của anh T phù hợp nên cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Xét thấy yêu cầu này phù hợp với quy định pháp luật, cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nên giao con chung là cháu NĐGK cho anh T nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc khi chị H có yêu cầu khác.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con, anh T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh NHT là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng : Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh NHT và chị ĐTMH.

- Về con chung: Giao con chung cháu NĐGK cho anh NHT trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu nên không xem xét.

Vì lợi ích của con khi cần thiết đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, riêng, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh NHT phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000205 ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia lai. Anh T đã nộp đủ.

- Về quyền kháng cáo: Các đương có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 19/10/2021). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 7b Luật thi hành án dân sự,

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THA-DS TP.P;
- Các đương sự;
- UBND xã AP, TP.P;
- Lưu hồ sơ; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký Trần Thị Tố Uyên